

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 755/2022/DS-PT

Ngày 15 - 3 - 2022

“V/v Tranh chấp về quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hải Minh và bà Trần Thị Mỹ Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 15 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 53/2021/DSPT ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp về quyền sử dụng đất”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2016/DSST ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 134/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đào Ngọc L, sinh năm 1964 và bà Vũ Thị D (vợ của ông L), sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 1B (nay là xóm N1), xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Đậu Đình N9, sinh năm 1936, đã mất ngày 10 tháng 11 năm 2017.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N:

+ Bà Đậu Thị O, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 1B (nay là xóm N1), xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

+ Ông Đậu Đình L1, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 1B (nay là xóm N1), xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

+ Bà Đậu Thị S, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm Hồng Sơn, xã Nghĩa Hợp, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

+ Bà Đậu Thị A, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 1B (nay là xóm N1), xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

+ Ông Đậu Đình S8, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 1B (nay là xóm N1), xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

+ Bà Đậu Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 1B (nay là xóm N1), xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Bà O, bà S, bà A, bà T vắng mặt và ủy quyền cho ông L1 tham gia phiên tòa; ông L1 và ông S8 có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đậu Đình L1, sinh năm 1968 và bà Phan Thị H6 (vợ của ông L1), sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 1B (nay là xóm N1), xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Đậu Đình S8, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 1B (nay là xóm N1), xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

* Người kháng cáo: Bị đơn ông Đậu Đình N9.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Đào Ngọc L và bà Vũ Thị D khởi kiện trình bày: Gia đình ông L, bà D có khu đất rừng là thửa đất số 276, tờ bản đồ số 1 đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Tân Kỳ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) số AE 655693 ngày 20 tháng 10 năm 2006 với tổng diện tích 12.568,0 m², địa chỉ thửa đất: Đ (C), Xóm 1B, xã N2, huyện T, tỉnh Nghệ An; phía Bắc tiếp giáp thửa đất số 259 của gia đình ông Đậu Đình N9, phía Tây giáp thửa đất của ông Phạm Văn H7, phía Nam giáp đất của ông Phạm Ngọc Th, phía Đông giáp thửa đất ở, đất vườn của ông L, bà D (giáp Đường mòn Hồ Chí Minh). Vào tháng 4 năm 2014, ông N và ông Đậu Đình L1 (con của ông N) đã chặt hết cây cối, đưa máy móc san ủi để trồng sắn, cỏ sữa và trồng tràm trên phần đất của gia đình ông L, bà D. Phần đất mà ông Đậu Đình N9 lấn chiếm có cạnh dưới 40 mét, cạnh trên (sườn đồi) 55 mét, tổng diện tích lấn chiếm 4500 m², ông L, bà D yêu cầu, UBND xã N2, huyện T, tỉnh Nghệ An giải quyết nhiều lần nhưng không có kết quả. Sau khi thụ lý vụ án, ngày 05 tháng 5 năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An đã tiến hành thẩm định tại chỗ, đo đạc lại diện tích đất tranh chấp thì diện tích đất ông Đậu Đình N9 lấn chiếm tăng 1935,4 m². Ông L, bà D yêu cầu Tòa án buộc ông Đậu Đình N9 và ông Đậu Đình L1 phải trả lại diện tích đất rừng lấn chiếm là 6435,4 m² tại thửa đất số 276, tờ bản đồ số 1, Xóm 1B, xã N2, huyện T, tỉnh Nghệ An. Ngoài ra, ông L, bà D còn yêu cầu buộc ông N phải bồi thường tài sản trên đất do gia đình ông N chặt phá nhưng sau đó ông L, bà D có đơn xin rút yêu cầu đó.

Theo ông Đậu Đình L1, ông Đậu Đình S8 và bà Phan Thị H6 thống nhất trình bày: Gia đình ông Đậu Đình N9 có thửa đất rừng số 259, tờ bản đồ số 1 đã được UBND huyện Tân Kỳ cấp Giấy CNQSD Đ số AE 655702 cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006, tại vùng C, Xóm 1B, xã N2, huyện T, tỉnh Nghệ An; thửa đất có tứ cận: Phía Tây Nam tiếp giáp với thửa đất số 276 của gia đình ông Đào Ngọc L, phía Đông Nam giáp với đất vườn, đất ở của ông N (giáp Đường mòn

Hồ Chí Minh), phía Đông Bắc giáp với đất thổ cư của ông Phan Văn H7. Thửa đất này ông N đã khai hoang canh tác sử dụng từ năm 1989, ranh giới đất giáp với đất ông L hiện nay (thửa đất số 276) trước đây do ông Đặng Văn Q khai hoang, sau đó chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc A2, năm 1991, ông A2 chuyển nhượng cho bà Lương Thị V, sau đó bà Vinh chuyển nhượng cho vợ chồng ông L, bà D. Tất cả những lần chuyển nhượng thửa đất đó thì ranh giới giữa 02 thửa đất vẫn không thay đổi. Đến đầu năm 2006, có sự tranh chấp giữa ông L và ông N, đã được chính quyền địa phương hòa giải xác định ranh giới của hai gia đình và thống nhất lập biên bản thỏa thuận ranh giới ngày 07 tháng 01 năm 2006, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Tháng 10 năm 2006, Nhà nước cấp Giấy CNQSDĐ thì không đúng ranh giới và diện tích của 02 thửa đất. Từ năm 2014, hai bên xảy ra tranh chấp, UBND xã N2 đã hòa giải nhưng không thành. Ông L, bà D yêu cầu gia đình ông Đậu Đình N9 phải trả diện tích đất 6435,4 m² tại thửa đất số 276, tờ bản đồ số 1 thì ông N, ông L1, ông S8, bà H6 không chấp nhận và đề nghị Tòa án giải quyết theo nội dung đã thỏa thuận trong biên bản hai gia đình đã lập ngày 07 tháng 01 năm 2006.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2016/DSST ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Áp dụng khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 255, Điều 256 của Bộ luật Dân sự; xử:

- Buộc ông Đậu Đình N9 và vợ chồng ông Đậu Đình L1 và bà Phan Thị H6, ông Đậu Đình S8 phải trả cho vợ chồng ông Đào Ngọc L và bà Vũ Thị D diện tích đất lâm nghiệp 6435,4 m² tại thửa đất số 276, tờ bản đồ số 1, Đ (C), xã N2, huyện T, tỉnh Nghệ An có trị giá 32.177.000 đồng (Có sơ đồ kèm theo);

- Giao cho vợ chồng ông Đào Ngọc L và bà Vũ Thị D được quyền sử dụng diện tích đất 6435,4 m² đất lâm nghiệp do ông Đậu Đình N9 và vợ chồng ông Đậu Đình L1 và bà Phan Thị H6, ông Đậu Đình S8 giao lại;

- Buộc ông Đậu Đình N9 và vợ chồng ông Đậu Đình L1, bà Phan Thị H6, ông Đậu Đình S8 phải thu hoạch toàn bộ cây trên đất lâm nghiệp có diện tích 6435,4m²; trong đó: Mía trồng năm thứ 02 diện tích 80 m², vùng đen 351,6 m², chè hạt 98,8 m², cỏ voi 386,64 m², keo trồng 01 năm tuổi đường kính từ 02 – 05 cm là 2000 cây để giao đất cho ông Đào Ngọc L và bà Vũ Thị D.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Ngày 30 tháng 9 năm 2016, ông Đậu Đình A99 là người đại diện theo ủy quyền của ông Đậu Đình N9 làm đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ tình tiết vụ án và không chấp nhận trả 6435,4 m² đất lâm nghiệp cho ông L và bà D theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án Dân sự phúc thẩm số 22/2017/DS-PT ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định: Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Đậu Đình A99, sửa Bản án sơ thẩm.

- Không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Đào Ngọc L và bà Vũ Thị D về việc yêu cầu ông Đậu Đình N9 và vợ chồng ông Đậu Đình L1 và bà Phan Thị H6, ông Đậu Đình S8 phải trả cho vợ chồng ông Đào Ngọc L và bà Vũ Thị D diện tích đất lâm nghiệp 6435,4 m² tại thửa đất số 276, tờ bản đồ số 1, Đ (C), xã N2, huyện T, tỉnh Nghệ An có trị giá 32.177.000 đồng.

- Kiến nghị UBND huyện T, tỉnh Nghệ An kiểm tra, xem xét nguồn gốc và thực tế, thực trạng sử dụng đất của 02 hộ gia đình ông Đào Ngọc L và ông Đậu Đình N9 đối với hai thửa đất số 276 và thửa đất số 259 để điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các gia đình cho phù hợp.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ngày 28 tháng 7 năm 2017 và ngày 30 tháng 4 năm 2018, ông Đào Ngọc L và bà Vũ Thị D có đơn đề nghị xem xét lại Bản án Dân sự phúc thẩm số 22/2017/DS-PT ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Tại Thông báo số 206/TB-TANDCC-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội xác định không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án Dân sự phúc thẩm số 22/2017/DS-PT. Ngày 19 tháng 6 năm 2020, Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao có Quyết định số 38/2020/KN-DS kháng nghị đối với Bản án Dân sự phúc thẩm số 22/2017/DS-PT ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm, hủy bản án dân sự phúc thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 02/2021/DS-GĐT ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343 và Điều 345 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hủy Bản án Dân sự phúc thẩm số 22/2017/DS-PT ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đậu Đình N9 giữ nguyên nội dung kháng cáo; nguyên đơn ông Đào Ngọc L và bà Vũ Thị D giữ nguyên nội dung khởi kiện; các đương sự không thống nhất với nhau về quan điểm giải quyết vụ án.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục kháng cáo: Ông Đậu Đình N9 kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu tại hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định ông Đậu Đình N9 là người kê khai, người ký giáp ranh trong hồ sơ cấp đất, diện tích tranh chấp được thẩm định phù hợp với diện tích các thửa tại Giấy CNQSDĐ nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đậu Đình N9; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đậu Đình N9 đã mất ngày 10 tháng 11 năm 2017, căn cứ khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất còn sống của ông N gồm bà Đậu Thị O, ông Đậu Đình L1, bà Đậu Thị S, bà Đậu Thị A, ông Đậu Đình S8 và bà Đậu Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N. Tại phiên tòa, bà Đậu Thị O, bà Đậu Thị S, bà Đậu Thị A và bà Đậu Thị T vắng mặt và ủy quyền cho ông Đậu Đình L1 tham gia tố tụng, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung vụ án và kháng cáo của ông Đậu Đình N9:

[2.1] Gia đình ông Đào Ngọc L và gia đình ông Đậu Đình N9 sử dụng 02 thửa đất lâm nghiệp liền kề tại Xóm 1B, xã Nghĩa Hợp, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An; thửa đất số 276 của ông Đào Ngọc L có nguồn gốc do ông L nhận chuyển nhượng của bà Lương Thị V năm 2002, theo sổ Lâm bạ năm 1998 có diện tích 1,7 ha (Bút lục hồ sơ số 171); thửa đất số 259 có nguồn gốc do ông N khai hoang và sử dụng từ trước đến nay.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được tại hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết tranh chấp thể hiện 02 thửa đất rừng số 276 và thửa đất số 259 liền kề nhau có nguồn gốc do ông Đặng Văn Q và ông Đậu Đình N9 khai hoang sử dụng từ năm 1989. Khi có Nghị định số 02/CP về việc giao đất giao rừng cho các hộ gia đình quản lý, bảo vệ và trồng bổ sung chân đồi, gia đình ông N kê khai, đăng ký và được Nhà nước giao đất, ông N được giao phần đất nay là thửa đất số 259, ông Q được giao phần đất tại thửa đất số 276.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp, ông Đặng Văn Q, ông Nguyễn Ngọc A23 và bà Lương V đều thừa nhận: Việc chuyển nhượng thửa đất cho nhau từ ông Q sang cho ông A23, bà Q và vợ chồng ông Đào Ngọc L, bà Vũ Thị D đều là nguyên thửa đất, được xác định trong sổ Lâm bạ, các bên không tiến hành xác định diện tích thực tế khi chuyển nhượng và ranh giới giữa hai thửa đất số 276 và 259

không thay đổi. Ông L, bà D thừa nhận: Khi nhận chuyển nhượng thửa đất của bà Vinh, ông bà chỉ giao nhận qua sổ Lâm bạ của bà Vinh lập năm 1998 và chỉ mốc giới, các bên không tiến hành đo vẽ trên thực tế tại thửa đất.

Quá trình sử dụng đất, giữa gia đình ông Đào Ngọc L và ông Đậu Đình N9 có tranh chấp về ranh giới giữa hai thửa đất. Tại Văn bản công nhận ranh giới ngày 07 tháng 01 năm 2006 giữa ông Đậu Đình S8 và ông L (có sự tham gia của Cán bộ Địa chính xã N2 (ông Nguyễn Văn H66), Xóm trưởng Xóm 1B (ông Nguyễn Văn L5) và Bí thư Chi bộ Xóm 1B), các bên đã thống nhất xác định ranh giới đất rừng giữa 02 thửa đất của hai gia đình là từ bụi tre kéo thẳng lên đỉnh đồi đến đường phân thủy. Bụi tre nay không còn trên thực địa nhưng đều được xác định do ông Nguyễn Ngọc Ái trồng, ông H66, ông L5 và ông S8 xác định vị trí gần cọc bê tông ông L mới dựng là ranh giới đất ở giữa 02 gia đình.

Vợ chồng ông Đào Ngọc L, bà Vũ Thị D thừa nhận: Nội dung mà các bên thỏa thuận ngày 07 tháng 01 năm 2006 về ranh giới giữa 02 thửa đất phía dưới là bụi tre và hàng cây keo kéo lên đỉnh đồi đến đường phân thủy làm ranh giới giữa 02 thửa đất trước đây nhưng đã bị ông Đậu Đình N9 chặt phá hiện không còn, bụi tre được xác định trong biên bản cách bụi tre được mọi người xác định 40 mét về phía đất của ông N.

Căn cứ kết quả thẩm định ngày 22 tháng 7 năm 2015 của UBND xã N2 khi xảy ra tranh chấp thì bụi tre mà các bên xác định là ranh giới của 02 thửa đất trước đây vẫn tồn tại (Bút lục hồ sơ số 04, 05 và 07). Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24 tháng 11 năm 2021 xác định từ bụi tre (được ông Đậu Đình S8, ông Nguyễn Văn H66, ông Nguyễn Văn L5 xác nhận chiếu thẳng lên đỉnh đồi có đường phân thủy (là đường chia nước giữa hai sườn đồi) theo như mô tả tại biên bản lập năm 2006.

Theo thông tin do UBND huyện T cung cấp tại Công văn số 618/UBND.TNMT ngày 22 tháng 5 năm 2017 có nội dung: Tại thời điểm xin cấp Giấy CNQSDĐ tháng 6 năm 2006, UBND xã N2 không gửi biên bản hòa giải ngày 07 tháng 01 năm 2006 lên, các hộ vẫn xin cấp Giấy CNQSDĐ và UBND xã vẫn xác nhận đất không có tranh chấp, diện tích thửa đất cả hai bên xin cấp GCNQSDĐ vẫn giữ nguyên theo kết quả đo đạc và hồ sơ địa chính được thiết lập từ năm 2002 để trình đề nghị UBND huyện cấp GCNQSDĐ, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ranh giới xác định theo bụi tre (nếu hai bên đồng ý), UBND huyện T sẽ thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính, chỉnh lý GCNQSDĐ theo kết quả giải quyết của Tòa án.

[2.2] Từ những đánh giá, phân tích nêu trên có căn cứ xác định:

Theo nguồn gốc, quá trình sử dụng và hiện trạng đất, thông tin do những người biết được sự việc cung cấp, kết quả hòa giải phân định ranh giới năm 2006 của UBND xã N2, huyện T, tỉnh Nghệ A thì diện tích đất tranh chấp là của ông Đậu Đình N9 khai hoang và đang sử dụng ổn định từ trước đến nay. Khi cấp

Giấy CNQSDĐ, UBND xã N2, UBND huyện T, tỉnh Nghệ An đã không kiểm tra thực địa, không căn cứ kết quả giải quyết tranh chấp để lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận theo hiện trạng đã thỏa thuận là không đúng quy định, dẫn đến gia đình ông Đào Ngọc L, bà Vũ Thị D và gia đình ông N tranh chấp.

Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24 tháng 11 năm 2021, tiến hành kiểm tra thực địa theo văn bản công nhận ranh giới năm 2006 thể hiện: Theo ông Đậu Đình L1 (con của ông N) và ông Nguyễn Văn H66 (nguyên là Cán bộ địa chính) thì vị trí bụi tre, ranh giới đất vườn, đất ở, đất rừng theo hiện trạng đang sử dụng, ranh giới là đường thẳng từ Đường mòn Hồ Chí Minh, ranh giới giữa đất ở, đất vườn của hai gia đình là hàng rào đã được đóng cọc bê tông, theo đường phân thủy kéo lên đỉnh đồi là phù hợp. Ông Đào Ngọc L, bà Vũ Thị D không thừa nhận ranh giới này nhưng kiểm tra thực địa ranh giới giữa hai gia đình không có đường phân thủy.

Như vậy, diện tích đất tranh chấp khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được kiểm tra thực địa, diện tích đất cấp theo giấy chứng nhận cho gia đình ông Đào Ngọc L, bà Vũ Thị D và ông Đậu Đình N9 không phù hợp với hiện trạng sử dụng đất. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu về việc cấp GCNQSDĐ, chưa làm rõ diện tích đất hai gia đình được cấp có đúng với hiện trạng sử dụng cũng như theo thỏa thuận hay không để đưa Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xem xét tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hai gia đình là không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Những sai sót này tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được, cần căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ngoài ra, trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông Đậu Đình L1 có đơn yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 655693 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An cấp cho ông Đào Ngọc L, bà Vũ Thị D. Xét thấy, yêu cầu này ông L1 chưa yêu cầu tại Tòa án cấp sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết và cũng không thuộc phạm vi kháng cáo, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Ông L1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng khác của ông Đậu Đình N9 có quyền yêu cầu nội dung này khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24 tháng 11 năm 2021: Chi phí hết 2.500.000 đồng, ông Đậu Đình L1 đã nộp và tự nguyện chịu toàn bộ, không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Đậu Đình N9 không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hủy Bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2016/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An về việc “Tranh chấp về quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn ông Đào Ngọc L, bà Vũ Thị D và bị đơn ông Đậu Đình N9, người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H6, ông Đậu Đình L1, ông Đậu Đình S8; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Đậu Đình N9 không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm; trả lại cho bà Đậu Thị O, ông Đậu Đình L1, bà Đậu Thị S, bà Đậu Thị A, ông Đậu Đình S8 và bà Đậu Thị T (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N) 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009072 ngày 04 tháng 10 năm 2016. Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Tân Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tân Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hà